

Bản án số: 21/2022/HNGĐ

Ngày: 31/8/2022

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Hữu Hiền;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nghiêm Đình Ché, ông Nguyễn Thế Long;
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trí Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 94/2022/TLST – HNGĐ ngày 24/6/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hiền T, sinh năm 1980;

Trú tại: Thôn Ngô Nội, xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nghiêm Thị C, sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn Ngô Nội, xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

(Các bên đương sự đều có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn là anh Nguyễn Hiền T trình bày: Anh và chị Nghiêm Thị C kết hôn vào ngày 28/12/2001, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu sau đó cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn ngay từ lúc mới kết hôn; mâu thuẫn vợ chồng bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm, lối sống không hợp, cách thức làm ăn kinh tế của 02 vợ chồng cũng không có tiếng nói chung nhưng anh vẫn cố nhin để cho qua chuyện; tuy nhiên, sau một thời gian chung sống dài, anh cảm thấy không thể chung sống được với chị C nữa. Ngoài ra, khoảng tháng 03/2022, anh phát hiện chị C có mối quan hệ ngoại tình qua điện thoại; sau đó anh T có báo với bố mẹ đẻ của chị C, từ đó anh và chị C ly thân đến nay không còn ai liên lạc với ai nữa; đối với các tin nhắn, bằng chứng ngoại tình của chị C, anh T cho rằng anh không còn lưu giữ nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được, nên đề nghị Toà án cho anh được ly hôn với chị C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 04 con chung là các cháu:

1. Nguyễn Thị Bích Ngọc, sinh ngày 16/10/2002 (nữ);
2. Nguyễn Thị Bích Liên, sinh ngày 02/11/2003 (nữ);
3. Nguyễn Hiền Phong, sinh ngày 27/9/2006 (nam);
4. Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 04/6/2011 (nữ).

Hiện cháu Ngọc và cháu Liên đã trưởng thành; nếu được ly hôn anh T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phong và cháu Quỳnh; hiện anh T đang làm lao động tự do, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng, anh có nhà cửa nên đủ khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tại Tòa án bị đơn là chị Nghiêm Thị C trình bày: Chị xác nhận như lời trình bày của chị và anh T về điều kiện, thời gian, hoàn cảnh kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng chị cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chị vẫn yêu thương gia đình, chồng con và chăm lo cho chồng, cho con; tuy nhiên, anh T thường xuyên ghen vô cớ, cho rằng chị có mối quan hệ ngoại tình nhưng không có căn cứ. Sau đó, khoảng tháng 03/2022, anh T tiếp tục ghen tuông rồi đuổi chị khỏi nhà, do không có chỗ ở nên chị đã về nhà bác ruột của anh T là ông Nguyễn Hiền Lập (ở thôn Ngô Nội, xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh) để ở; sau đó các cháu Bích Ngọc, cháu Bích Liên và cháu Quỳnh do thương mẹ nên đã về nhà ông Lập để ở với chị, hiện chị vẫn chăm lo cho các cháu. Nay, anh T có yêu cầu ly hôn chị không đồng ý, chị đề nghị Toà án bác đơn ly hôn của anh T để vợ chồng chị được đoàn tụ với nhau để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: chị xác nhận vợ chồng có 04 con chung như anh T trình bày. Nếu phải ly hôn, chị đề nghị xin được nuôi cả 02 con chưa trưởng thành là cháu Phong và cháu Quỳnh, hiện chị C đang đi làm công ty, thu nhập được khoảng 15.000.000đ – 20.000.000đ/tháng. Chị đủ điều kiện để nuôi 02 cháu. Hiện tại chị không có thai.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa cháu Nguyễn Thị Bích Ngọc, sinh năm 2002 là con anh T chị C trình bày: Việc bố T nghi ngờ mẹ C có tin nhắn nghi là ngoại tình là không có căn cứ vì bố T nói có đọc được nhưng không cung cấp được cho Tòa án. Cháu là con lớn trong nhà thay mặt cho các em cháu đề nghị Tòa án bác đơn đề cho bố mẹ cháu cũng như chúng cháu được ở cùng với bố cả mẹ. Hiện tại bố cháu đuổi mẹ cháu đi lên chúng cháu cũng theo mẹ cháu ra ngoài ở cùng mẹ vì thương mẹ cháu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đi xác minh đối với các nội dung cần làm rõ trong vụ án thì được cung cấp như sau: Đối với việc mâu thuẫn của anh T, chị C, địa phương và gia đình có biết, tuy nhiên, không có căn cứ cho rằng chị C có hành vi ngoại tình, ngoài ra, mâu thuẫn của anh chị chỉ là những chuyện bất đồng nhỏ trong cuộc sống, địa phương, gia đình và các con của anh chị đều đề nghị Toà án bác đơn ly hôn, hoà giải để anh chị về đoàn tụ với nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Tại phiên toà hôm nay, phía nguyên đơn là anh Nguyễn Hiền T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Nghiêm Thị C đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ không yêu cầu giải quyết.

Phía bị đơn là chị Nghiêm Thị C vẫn giữ nguyên quan điểm không chấp nhận việc ly hôn.

Sau khi nghe thẩm phán công bố các chứng cứ mà Tòa án đã thu thập, các bên đương sự không có ý kiến gì thêm.

Kết thúc phần tranh tụng, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng. Cả Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 262, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 56 Luật hôn nhân, gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐX: Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hiền T về việc xin ly hôn với chị Nghiêm Thị C.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, con chung nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là chị Nghiêm Thị C trú tại: Thôn Ngô Nội, xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân

huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hiền T và chị Nghiêm Thị C kết hôn ngày ngày 28/12/2001, trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, sau đó cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, anh chị đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo qui định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân, gia đình, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy; anh Nguyễn Hiền T và chị Nghiêm Thị C sống chung với nhau từ năm 2001 trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2001 tại UBND xã Trung Nghĩa. Sau khi kết hôn cả hai bên thừa nhận chung sống với nhau chỉ thi thoảng có mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức hàng xóm cũng như các tổ chức đoàn thể phải hoà giải. Anh T cho rằng khoảng tháng 03/2022, vợ chồng có mâu thuẫn xuất phát từ việc chị C có quan hệ ngoại tình qua điện thoại, anh có đọc được các tin nhắn và kiểm tra các cuộc gọi, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được các chứng cứ thể hiện lời trình bày của mình. Tại phiên toà, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị C, chị C không đồng ý ly hôn vì vợ chồng vẫn còn tình cảm, không có mâu thuẫn gì lớn; chị cũng khẳng định không có chuyện chị nhắn tin điện thoại, ngoại tình như anh T nói mà đây chỉ là tin nhắn quan hệ bạn bè. Các con chị C, anh T cũng trình bày không có việc chị C ngoại tình như anh T trình bày. Qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng anh T, chị C không có mâu thuẫn gì lớn. Sau khi anh T đuổi chị ra khỏi nhà, các con chị đều đến ở cùng chị và mong chị về đoàn tụ cùng gia đình nhưng anh T không cho về. Xét thấy, vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, anh T làm đơn ly hôn với chị C, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng anh chị vẫn còn, cần tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn với chị C.

[4] Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T nên Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề con chung, tài sản chung.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 8, 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hiền T về việc xin ly hôn của chị Nghiêm Thị C.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hiền T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Hiền T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0004368 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Anh Nguyễn Hiền T được khấu trừ vào tiền án phí mà anh phải nộp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- THA huyện Yên Phong;
- UBND xã Trung Nghĩa;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hữu Hiền

T/P - Ch□ to□ phườn to□

THỀNH VIẤN H□I □□NG XẤT X□

Nghiờm □õnh Ch□ - Nguy□n Th□ Long